

Số: 311/2021/DS-PT

Ngày: 15/7/2021

V/v: “tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Chí Anh

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Bình

Bà Hoàng Thị Thu Lan

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Lan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Cao Thị Hồng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 332/2020/TLPT-DS ngày 14/7/2020 về việc “tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST, ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 188/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Ông Đỗ Văn Kh, sinh năm 1934 (*vắng mặt tại phiên tòa*)

Địa chỉ: Phòng 507 nhà B8b phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1974 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: 608 nhà CT2A, khu đô thị mới Văn Quán – Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, Hà Nội.

Bị đơn: Văn phòng Công chứng KĐ (nay là Văn phòng công chứng NK)

Địa chỉ: Số 106 phố Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh Khôi – Trưởng Văn phòng (*vắng mặt tại phiên tòa*)

Người đại diện theo ủy quyền ông Phùng Tuấn Anh (*có mặt tại phiên tòa*)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1946 (*vắng mặt tại phiên tòa*)

Địa chỉ: Nhà C16 ngõ 369 đường Trường Chinh, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1992 (*có mặt tại phiên tòa*)

Địa chỉ: Căn 801 chung cư N07 khu di dân giải phóng mặt bằng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

2. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1962 (*có mặt tại phiên tòa*)

Địa chỉ: Số 15 ngách 7/16 phố Thái Thịnh, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền:

2.1. Ông Phan Công Tiến, sinh năm 1992 (*vắng mặt tại phiên tòa*)

2.2. Bà Nguyễn Thị Hân, sinh năm 1992 (*có mặt tại phiên tòa*)

2.3. Bà Nông Thúy Vân (*vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đỗ Văn Kh và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Đỗ Văn Kh và bà Bùi Thị H là vợ chồng, kết hôn ngày 29/05/2001 và ly hôn ngày 24/05/2012 theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 143/2012/QĐ - HNGĐST của Tòa án nhân dân quận Đống Đa. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 05/2013/QĐDS-GĐT ngày 12/9/2013, Ủy ban thẩm phẩm phán Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã hủy phần tài sản theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án Đống Đa, do ghi nhận không đúng ý kiến của ông Kh về phần tài sản chung vợ chồng.

Trong quá trình chung sống, ngày 10/12/2009 ông Kh và bà H lập Văn bản thỏa thuận về tài sản riêng của vợ chồng tại Văn phòng công chứng KĐ, do Công chứng viên Phạm Văn C ký. Văn bản có số công chứng 1126/2009 quyển số 01 - 2009. Nội dung văn bản thể hiện thỏa thuận các tài sản nêu dưới đây là tài sản riêng của bà Bùi Thị H, gồm:

1/ Nhà đất có Giấy chứng nhận AB 842430 MS:10109373180 Quyết định cấp số 31/2009/QĐ - UBND do UBND quận Đống Đa cấp ngày 05/01/2009 đứng tên bà Bùi Thị H.

2/ Nhà đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 249494 vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00732 do UBND huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 13/12/2005 đứng tên bà Bùi Thị H.

3/ Nhà đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 209370 vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1459 do UBND thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai cấp ngày 10/08/2009 đứng tên bà Bùi Thị H.

Ngày 11/04/2013, ông Kh có đơn khởi kiện yêu cầu hủy văn bản công chứng nêu trên vì lý do sau:

- Pháp luật Việt Nam không có bất cứ quy định nào về việc thỏa thuận tài sản riêng vợ chồng. Tài sản riêng của vợ chồng phải được xác định theo quy định của Điều 32 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nội dung văn bản công chứng đã vi phạm khoản 1 Điều 37 Luật công chứng: Công chứng không được lập các văn bản thỏa thuận về tài sản nằm ngoài phạm vi tỉnh, thành nơi văn phòng công chứng đặt trụ sở. Văn phòng ghi nhận thỏa thuận ngày 10/12/2009 có 2 tài sản nằm tại tỉnh Hưng Yên và tỉnh Lào Cai là trái quy định.

- Khi công chứng, Chứng minh thư của ông Đỗ Văn Kh cấp ngày 05/03/1982 là quá 15 năm nên không còn giá trị sử dụng theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 05/1999/NĐ - CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ quy định về Chứng minh thư nhân dân.

Với các lý do nêu trên, văn bản công chứng ngày 10/12/2009 của Văn phòng công chứng KĐ là vô hiệu vì vi phạm điều cấm của pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy hủy văn bản công chứng nêu trên theo quy định của Điều 128 Bộ luật dân sự.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày:

Văn phòng công chứng KĐ thành lập theo Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 21/7/2008. Theo Giấy đăng ký hoạt động số 12/TP-ĐKHĐ ngày 09/7/2019 chuyển thành Văn phòng công chứng NK, do ông Nguyễn Anh Khôi làm Trưởng văn phòng.

Ngày 10/12/2009, Công chứng viên Phạm Văn C - Văn phòng Công chứng KĐ có thực hiện công chứng Văn bản thỏa thuận về tài sản riêng của vợ chồng, số công chứng: 1126/2009, Quyển số: 01-2009, giữa ông Đỗ Văn Kh, sinh năm 1934, CMND số 011155615 do Công an Hà Nội cấp ngày 05/03/1982, đăng ký hộ khẩu thường trú tại Phòng 507, B8^b, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và vợ là bà

Bùi Thị H, sinh năm 1962, CMND số 013150004 do Công an Hà Nội cấp ngày 07/02/2009, đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 15, Ngách 7/16 Thái Thịnh, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Cơ sở pháp lý để Văn phòng Công chứng KĐ thực hiện công chứng Văn bản nêu trên như sau:

Về nội dung giao dịch: Khi thực hiện việc công chứng giao dịch nêu trên, Văn phòng Công chứng KĐ xác định nội dung của giao dịch là việc ông Đỗ Văn Kh tự nguyện xác nhận 03 bất động sản tại thành phố Hà Nội, tại tỉnh Hưng Yên và tại tỉnh Lào Cai là tài sản riêng của bà Bùi Thị H, không phải là giao dịch phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Nội dung xác nhận giữa ông Kh và bà H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 4 Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, cụ thể như sau:

“d) Trường hợp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của hai vợ chồng thì ghi họ tên, năm sinh và số giấy chứng minh nhân dân (nếu có), địa chỉ thường trú của cả vợ và chồng”.

Đối chiếu với quy định nêu trên với các tài liệu trong hồ sơ công chứng, chúng tôi nhận thấy 03 bất động sản tại Hà Nội, Hưng Yên và Lào cai đó được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đứng trên một mình bà Bùi Thị H (theo Giấy chứng nhận số AB842430, MS: 10109373180, Quyết định cấp số 31/2009/QĐ-UBND do UBND quận Đống Đa, thành phố Hà Nội cấp ngày 05/01/2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00732 do UBND huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 13/12/2005 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1459 do UBND thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai cấp ngày 11/08/2009), đồng thời lại được chính ông Đỗ Văn Kh tự nguyện xác nhận đây là tài sản riêng của vợ là bà Bùi Thị H, vì vậy Văn phòng Công chứng KĐ đã công chứng nội dung xác nhận của hai bên.

Về thẩm quyền công chứng giao dịch: Điều 37 của Luật công chứng quy định:

“1. Công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng có thẩm quyền công chứng các hợp đồng, giao dịch về bất động sản trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức hành nghề công chứng đặt trụ sở, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Công chứng viên của các tổ chức hành nghề công chứng có thẩm quyền công chứng di chúc, văn bản từ chối nhận di sản là bất động sản”.

Tại Công văn số 3834/BTP-HCTP ngày 10/9/2007 gửi Phòng Công chứng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tư pháp có giải thích về quy định tại Điều 37 Luật Công chứng như sau:

“... Hợp đồng, giao dịch về bất động sản theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật công chứng cần được hiểu là các hợp đồng, giao dịch mà bất động sản là đối tượng của hợp đồng, giao dịch đó. Trong trường hợp Hợp đồng ủy quyền hoặc Giấy ủy quyền với nội dung người được ủy quyền quản lý, chuyển nhượng v.v... một bất động sản nào đó thì bất động sản đó không phải là đối tượng của hợp đồng, giao dịch ủy quyền đó. Vì vậy, việc công chứng hợp đồng, giao dịch đó không bắt buộc phải theo thẩm quyền địa hạt (cấp tỉnh) quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật công chứng....”.

Như vậy, không phải mọi giao dịch có liên quan, có đề cập thông tin về bất động sản, đều được hiểu là “giao dịch về bất động sản” và phải tuân thủ thẩm quyền về địa hạt theo quy định tại Điều 37 Luật Công chứng, mà chỉ những hợp đồng, giao dịch mà bất động sản là đối tượng của hợp đồng, giao dịch đó (ví dụ giao dịch chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp....) thì mới phải tuân thủ quy định nêu trên.

Khi thực hiện công chứng văn bản thỏa thuận giữa ông Đỗ Văn Kh và bà Bùi Thị H, Văn phòng Công chứng KĐ xác định đối tượng của giao dịch này là hành vi của ông Kh xác nhận rằng 03 bất động sản tại thành phố Hà Nội, tại tỉnh Hưng Yên và tại tỉnh Lào Cai đứng tên một mình bà Bùi Thị H ; 03 bất động sản này không phải là đối tượng của giao dịch giữa ông Kh và bà H như hướng dẫn của Bộ Tư pháp về giao dịch ủy quyền nêu trên. Vì vậy, Văn phòng Công chứng KĐ công chứng nội dung xác nhận tài sản riêng là đúng thẩm quyền công chứng theo quy định của Luật Công chứng và hướng dẫn của Bộ Tư pháp. Vì vậy Văn phòng Công chứng KĐ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi liên quan là bà Bùi Thị H trình bày:

Bà xác nhận việc bà và ông Đỗ văn Kh có quan hệ hôn nhân và hai bên đã lập Văn bản thỏa thuận về tài sản riêng của vợ chồng ngày 10/12/2009 lập tại Văn phòng công chứng KĐ, do Công chứng viên Phạm Văn C ký. Văn bản có số công chứng 1126/2009 quyển số 01 - 2009. Nội dung đúng như đại diện nguyên đơn đã nêu.

Do hoàn cảnh của bà và ông Kh đều là kết hôn lần hai, không có con chung nên chỉ nương tựa nhau về tình cảm chứ hai bên hoàn toàn không phụ thuộc nhau về tài chính lẫn tài sản, nên đã lập Văn bản thỏa thuận nêu trên.

Nay ông Kh có yêu cầu hủy Văn bản công chứng nêu trên, bà không nhất trí, vì: Việc lập Văn bản thỏa thuận là do cơ quan có thẩm quyền là Văn phòng công chứng KĐ thực hiện căn cứ trên sự tự nguyện giữa bà và ông Kh nên không thể là văn bản vô

hiệu. Theo nguyên đơn Chứng minh thư của ông Kh cấp ngày 05/03/1982 là quá 15 năm nên không còn giá trị sử dụng, thì Đăng ký kết hôn của bà và ông Kh cũng không có giá trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn C trình bày:

Không có bất cứ điều cấm nào của pháp luật quy định cấm vợ chồng xác nhận tài sản riêng của vợ, chồng. Việc công chứng viên ký Văn bản thỏa thuận ngày 10/12/2009 là căn cứ trên các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cả 3 khối tài sản đều đứng tên của bà H. Các bên đều tự nguyện xác nhận đây là tài sản riêng của bà H. Ngoài ra, Thông tư 17/2009/TTBTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ tài nguyên và môi trường quy định về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở cùng tài sản gắn liền với đất (điểm d khoản 1 Điều 4) quy định: trường hợp cấp Giấy chứng nhận, nếu nhà đất thuộc quyền sở hữu của vợ chồng thì ghi tên cả hai vợ chồng; trường hợp tài sản riêng của ai thì ghi tên người đó. Như vậy thực tế, pháp luật không cấm việc vợ chồng có tài sản riêng.

Về thẩm quyền công chứng: Quy định tại điều 37 Luật công chứng chỉ áp dụng khi thỏa thuận liên quan đến trực tiếp bất động sản như chuyển nhượng, thế chấp, cho tặng. Nội dung Văn bản thỏa thuận không trực tiếp liên quan đến bất động sản mà là hành vi của ông Kh xác nhận các tài sản là của bà H. Việc này đã được Bộ Tư pháp hướng dẫn tại công văn số 3834/BTP - HCTP ngày 10/09/2007 gửi các cơ quan công chứng giải thích về Điều 37 Luật công chứng. Giao dịch được hướng dẫn là hành vi ủy quyền, cũng là hành vi tương tự như hành vi thỏa thuận của ông Kh. Chính vì vậy công chứng viên đã căn cứ vào giải thích này để lập văn bản công chứng theo ý kiến của ông Kh và bà H.

Tại Bản án sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy đã xử và quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Kh. Tuyên bố Văn bản thỏa thuận về tài sản riêng của vợ chồng ngày 10/12/2009 giữa ông Đỗ văn Kh và bà Bùi Thị H, lập tại Văn phòng công chứng KĐ có số công chứng 1126/2009 quyền số 01 – 200 là vô hiệu.

2. Văn phòng công chứng KĐ (nay là Văn phòng công chứng Nguyễn Khôi) thực hiện việc hủy bỏ và phải có trách nhiệm thông báo về việc văn bản công chứng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, **ngày 19 tháng 6 năm 2020**, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xác định văn bản thỏa thuận về tài sản riêng của vợ chồng lập ngày 10/12/2009 giữa ông Đỗ Văn Kh và bà Bùi Thị H có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá việc giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát nhận định Tòa án cấp sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng là người nhận chuyển nhượng bất động sản của bà Bùi Thị H, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Bà Bùi Thị H có đơn kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí, do đó kháng cáo được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Nguyên đơn ông Đỗ Văn Kh và đại diện theo uỷ quyền củ ông Kh có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về Nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bà Bùi Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Bà Bùi Thị H và ông Đỗ Văn Kh kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội ngày 29/5/2001. Đến ngày 24/5/2012 thì ly hôn theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 143/2012/QĐ - HNGĐST của Tòa án nhân dân quận Đống Đa.

Trong thời gian chung sống, ông Kh bà H cùng nhau lập “*Văn bản thỏa thuận về tài sản riêng của vợ chồng*” ngày 10/12/2009 (Văn bản ngày 10/12/2009). Đến ngày 11/4/2013 ông Kh có đơn khởi kiện yêu cầu hủy văn bản nêu trên.

Xem xét tính hợp pháp của “*Văn bản thỏa thuận về tài sản riêng của vợ chồng*” và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

- Về hình thức: “*Văn bản thỏa thuận về tài sản riêng của vợ chồng*” được lập ngày 10/12/2009 có công chứng của Văn phòng Công chứng KĐ (nay là Văn phòng công chứng NK), giữa hai bên là ông Đỗ Văn Kh và bà Bùi Thị H, có chữ ký của ông Kh và bà H trên từng trang, và chữ ký, chữ viết họ tên, điểm chỉ của cả hai người tại trang cuối. Ông Kh, bà H thực hiện ký kết văn bản trước sự chứng kiến của Công chứng viên khi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, đúng ý chí của các bên tham gia.

- Về nội dung: “*Văn bản thỏa thuận về tài sản riêng của vợ chồng*” ngày 10/12/2009 có nội dung ông Đỗ Văn Kh và bà Bùi Thị H cùng thống nhất xác định bà H có toàn quyền riêng biệt trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt đối với các tài sản gồm:

+ Nhà đất có Giấy chứng nhận AB 842430 MS:10109373180 Quyết định cấp số 31/2009/QĐ - UBND do UBND quận Đống Đa cấp ngày 05/01/2009 đứng tên bà Bùi Thị H.

+ Nhà đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 249494 vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00732 do UBND huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 13/12/2005 đứng tên bà Bùi Thị H.

+ Nhà đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 209370 vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1459 do UBND thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai cấp ngày 10/08/2009 đứng tên bà Bùi Thị H.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cơ sở để xác định, trước thời điểm ông Kh, bà H ký kết “*Văn bản thỏa thuận về tài sản riêng của vợ chồng*”, thì ông Kh đã từng lập văn bản cam kết giữa ông và bà H hoàn toàn độc lập về kinh tế, đó là: “*Văn bản cam kết về tài sản*” đề ngày 02/6/2009 tại UBND phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, do ông Đỗ Văn Kh viết và ký xác nhận, có chứng thực của UBND phường Kim Liên. Nội dung của văn bản này ông Kh xác định nhà đất tại Số 15 ngách 7/16 Thái Thịnh, Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Hà Nội là tài sản riêng của bà H. Tại mục 7 của văn bản này nêu rõ: “*Các cam kết khác: Từ khi chúng tôi là vợ chồng đến nay và mãi mãi về sau, chúng tôi đã cam kết chăm sóc nhau về mặt tình cảm và không có con chung; còn về kinh tế của nhau chúng tôi hoàn toàn độc lập.*”

Như vậy, xuyên suốt thời kỳ hôn nhân giữa ông Kh và bà H đã nhiều lần khẳng định và cam kết về việc độc lập với nhau về kinh tế, cũng như xác định phần tài sản riêng của bà H.

Ngày 10/12/2009 ông Kh, bà H lập “*Văn bản thỏa thuận về tài sản riêng của vợ chồng*”, mặc dù tên gọi của văn bản này là thỏa thuận về tài sản riêng của vợ chồng,

nhưng nội dung của văn bản thể hiện sự cam kết của ông Kh với bà H đối với 03 tài sản nêu cụ thể trong văn bản đều do bà H đứng tên, thuộc quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp riêng của bà H.

Xem xét các lý do ông Đỗ Văn Kh đưa ra để khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu đối với Văn bản ngày 10/12/2009, Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Về bản chất Văn bản ngày 10/12/2009 không phải là thỏa thuận về tài sản riêng của vợ chồng, nên Văn bản này không thuộc đối tượng điều chỉnh của Điều 32 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2004. Do đó, đối với yêu khởi kiện của ông Kh đề nghị Tòa án tuyên hủy Văn bản này với lý do: Tài sản riêng của vợ chồng phải được xác định theo quy định của Điều 32 Luật Hôn nhân và gia đình là không có cơ sở để chấp nhận.

+ Văn bản ngày 10/12/2009 không phải là hợp đồng hay giao dịch về bất động sản, mà nội dung văn bản là sự ghi nhận ý chí của ông Kh đối với việc xác nhận 03 khối tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng riêng của bà H. Căn cứ theo hướng dẫn tại Công văn số 3834/BTP-HCTP ngày 10/10/2007 của Bộ Tư pháp *v/v nghiệp vụ công chứng* thì văn bản này không phải là đối tượng điều chỉnh theo quy định Khoản 1 Điều 37 Luật Công chứng năm 2006. Do đó, trong trường hợp này Văn phòng Công chứng KĐ (nay là Văn phòng Công chứng NK) thực hiện việc công chứng Văn bản ngày 10/12/2009 không trái với quy định của pháp luật. Như vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kh với lý do nội dung văn bản công chứng đã vi phạm khoản 1 Điều 37 Luật công chứng khi Văn phòng Công chứng ghi nhận thỏa thuận ngày 10/12/2009 có 2 tài sản nằm tại tỉnh Hưng Yên và tỉnh Lào Cai.

+ Đối với lý do khi công chứng, Chứng minh thư nhân dân của ông Đỗ Văn Kh cấp ngày 05/03/1982 là đã quá hạn 15 năm nên không còn giá trị sử dụng theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 05/1999/NĐ - CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ quy định về Chứng minh thư nhân dân, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ các quy định về giao dịch dân sự vô hiệu từ Điều 127 đến Điều 134 Bộ luật dân sự năm 2005 thì việc chứng minh nhân dân đã hết hạn sử dụng không ảnh hưởng đến việc ký kết các loại văn bản và giao dịch dân sự không bị coi là vô hiệu khi chứng minh thư đã hết hạn.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX xét thấy hình thức và nội dung của “*Văn bản thỏa thuận về tài sản riêng của vợ chồng*” ngày 10/12/2009 phù hợp với quy định tại Điều 4, Điều 122, Điều 124 của Bộ luật dân sự năm 2005 và có hiệu lực thi hành đối với các bên ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Kh không có cơ sở để chấp nhận.

Kháng cáo của bà H đối với bản án sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy là có căn cứ và được chấp nhận.

Đối với phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử xét thấy việc không đưa những người nhận chuyển nhượng tài sản của bà Bùi Thị H tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người này và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó việc hủy bản án là không cần thiết.

Về án phí:

- Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Bùi Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

- Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Đỗ Văn Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên căn cứ theo quy định của Luật người cao tuổi năm 2016, ông Kh được xác định là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ

- Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự
- Điều 122, Điều 123, Điều 124 Bộ Luật Dân sự năm 2005.
- Khoản 1 Điều 6 Luật công chứng năm 2006.
- Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2016

Tuyên xử:

Sửa bản án sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy và xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Kh về việc tuyên bố “*Văn bản thỏa thuận về tài sản riêng của vợ chồng*” ngày 10/12/2009 vô hiệu.

“*Văn bản thỏa thuận về tài sản riêng của vợ chồng*” ngày 10/12/2009 của Văn phòng công chứng KĐ (nay là VPCC NK) không bị vô hiệu, các bên đương sự có trách nhiệm tiếp tục thực hiện.

2. Ông Đỗ Văn Kh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà Bùi Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà H số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0003652 ngày 22/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Chí Anh